

Bản án số:31/2026/HNGĐ-ST

Ngày 05 tháng 05 năm 2026

V/v “không công nhận quan hệ vợ  
chồng, **tranh chấp về nuôi con**”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - LAI CHÂU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* ông Lê Minh Tuấn.

*Các Hội thẩm nhân dân:* ông Đào Văn Vĩnh, ông Lò Văn Chiên

- *Thư ký phiên tòa:* ông Chảo Hồ Sơn – Thẩm tra viên, Tòa án nhân dân khu vực 3 - Lai Châu.

- *Đại diện viện kiểm sát nhân khu vực 3 - Lai Châu tham gia phiên tòa:* bà **Nguyễn Thị Loan** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 05 tháng 05 năm 2026 tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 - Lai Châu, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 21/2025/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 10 năm 2025 về việc: “không công nhận quan hệ vợ chồng, **tranh chấp về nuôi con**”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 03 năm 2026, Quyết định hoãn phiên tòa số 20/2026/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 4 năm 2026 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị **Chèo Lở M**, sinh năm: 1997 - *vẫn mặt có đơn xin xét xử vắng mặt*. Địa chỉ: **bản S, xã S, tỉnh Lai Châu**.

2. Bị đơn: anh **Chèo Lao T**, sinh năm 1994 - *vẫn mặt không có lý do*. Địa chỉ: **bản S, xã S, tỉnh Lai Châu**.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

1. Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết, tại phiên tòa và các biên bản lấy lời khai nguyên đơn chị **Chèo Lở M** trình bày: Về hôn nhân: chị **Chèo Lở M** và anh **C Lao Tả** chung sống với nhau vào năm 2014 nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Việc chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc. Sau khi chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì anh **Chèo Lao T** và chị **Chèo Lở M** phát sinh nhiều mâu thuẫn, cuối năm 2018 thì sống ly thân cho đến nay. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm, tính cách không hợp nhau, thường xuyên xảy ra cãi vã trong đời sống hàng ngày. Hiện không còn quan tâm đến nhau, hai vợ chồng được gia đình hai bên hoà giải nhưng không thay đổi được. Xét thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được chị **Chèo Lở M** đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị **Chèo Lở M** với anh **Chèo Lao T**. Về con chung: chị **Chèo Lở M** và anh **Chèo Lao T** có hai con chung là cháu **Chèo Hành N**, sinh ngày 20/12/2014 và cháu **Chèo Đức Q**, sinh ngày 21/12/2016, sau khi ly hôn chị **Chèo Lở M** cũng có nguyện vọng để anh **C Lao Tả** nuôi dưỡng cả hai con chung nhưng anh **Chèo Lao T** đã được **Tòa án** triệu tập nhiều lần để lấy lời khai và ý kiến nhưng anh **Chèo Lao T** đều không có mặt nên tại phiên tòa hoãn lần thứ nhất và các tài liệu chị **Chèo Lở M** **cung cấp** chị **Chèo Lở M** có nguyện vọng là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng,

giáo dục cả hai con chung đến khi trưởng thành, đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con chung chị Chèo Lở M đủ khả năng nuôi hai con nên không đề nghị anh C Lao Tả phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: theo đơn khởi kiện ban đầu thì chị Chèo Lở M đề nghị về việc giải quyết tài sản chung của hai vợ chồng, nhưng sau đó ngày 16/01/2026 chị Chèo Lở M xin rút lại đề nghị chia tài sản chung của hai vợ chồng với lý do chị Chèo Lở M và anh C Lao Tả tự thỏa thuận và không đề nghị Tòa án giải quyết. Về án phí: chị Chèo Lở M đề nghị được miễn án phí theo quy định của pháp luật.

2. Bị đơn anh Chèo Lao T: Tòa án đã triệu tập, tổng đạt văn bản cho bố đẻ anh Chèo Lao T, niêm yết các văn bản tố tụng tại nơi ở của anh C Lao Tả, niêm yết tại UBND xã S, niêm yết tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 - Lai Châu, đã triệu tập nhiều lần bằng văn bản tố tụng, qua điện thoại với anh Chèo Lao T nhưng anh Chèo Lao T không có mặt tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 - Lai Châu và không gửi tài liệu, ý kiến cụ thể bằng văn bản nên Tòa án giải quyết vụ án theo đúng quy định của pháp luật.

3. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án nhân dân khu vực 3 – Lai Châu đã xác minh ông Chèo Phù Thiên B đẻ anh Chèo Lao T, xác minh trực tiếp tại Công an xã S và UBND xã S, tỉnh Lai Châu: đối với anh Chèo Lao T, sinh năm 1994 và chị Chèo Lở M, sinh năm 1997 không có đăng ký kết hôn, tình trạng chung sống với nhau không có đăng ký hợp pháp. Vợ, chồng chị Chèo Lở M và anh C Lao Tả có hai con chung là cháu: Chèo Hành N và cháu Chèo Đức Q. Anh Chèo L Tả cư trú tại bản S, xã S, tỉnh Lai Châu anh Chèo Lao T vẫn hay có mặt tại địa phương và đang đi làm ăn xa.

Đối với hai con chung là cháu Chèo Hành N và cháu Chèo Đức Q, Tòa án đã lấy ý kiến hai con chung, hai cháu có nguyện vọng được ở với bố là C Lao Tả nhưng nếu bố không có mặt tại Tòa án thì hai cháu có nguyện vọng đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

*Quan điểm của đại diện VKSND khu vực 3 - Lai Châu:*

*Về thủ tục tố tụng:* quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng thủ tục tố tụng, sự có mặt của các thành viên Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa, thủ tục phiên tòa theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. *Tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng:* nguyên đơn chị Chèo Lở M đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn anh Chèo Lao T đã được triệu tập hợp pháp nhưng không có mặt tại Tòa án để giải quyết vụ án không thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. *Về nội dung:* Căn cứ vào Điều 9, Điều 14, Điều 53, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 5; khoản 7 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227; Điều 228; Điều 238 của Bộ Luật tố tụng dân sự; khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2026 ngày 06/01/2016; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; đề nghị Hội đồng xét xử xem xét: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Chèo Lở M, xử:

Về hôn nhân: không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Chèo Lở M và anh Chèo Lao T. Về con chung: giao hai con chung cho chị Chèo Lở M là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả hai con chung cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Về cấp

dưỡng nuôi con chung chị **Chèo Lở M** không đề nghị anh **C Lao Tả** phải cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét. Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: chị **Chèo Lở M** đề nghị rút một phần yêu cầu khởi kiện về tài sản nên đề nghị Tòa án đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu này. Về án phí: giải quyết theo quy định của pháp luật.

### NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

#### [1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thủ tục thụ lý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: chị **Chèo Lở M** nộp đơn khởi kiện về việc: “không công nhận quan hệ vợ chồng, tranh chấp về nuôi con”, tại Tòa án nhân dân khu vực 3 - Lai Châu theo quy định tại khoản 7 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Chị **Chèo Lở M** được miễn nộp tiền tạm ứng án phí theo đúng quy định. Tòa án nhân dân khu vực 3 - Lai Châu đã thụ lý vụ án để giải quyết yêu cầu khởi kiện của chị **Chèo Lở M**, theo khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân gia đình và Điều 195 BLTTDS.

- Về thẩm quyền giải quyết: “không công nhận quan hệ vợ chồng”, giữa anh **Chèo Lao T** và chị **Chèo Lở M**, bị đơn cư trú tại xã S, tỉnh Lai Châu nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 3 - tỉnh Lai Châu theo quy định tại Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS. Đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn với yêu cầu chia tài sản chung.

- Nguyên đơn chị **Chèo Lở M** vắng mặt tại phiên tòa và có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn anh **C Lao Tả** đều vắng mặt không có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vụ án.

#### [2] Về nội dung vụ án:

Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị (khoản 1 Điều 9); “Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của vợ chồng...” (khoản 1 Điều 14); “Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này...” (khoản 2 Điều 53).

Khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Bộ trưởng Bộ tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *Trường hợp nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không có đăng ký kết hôn (không phân biệt có vi phạm điều kiện kết hôn hay không) và có yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật hoặc yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý, giải quyết và áp dụng Điều 9 và Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình tuyên bố không công nhận quan hệ hôn nhân giữa họ...”*.

Chị **Chèo Lở M** và anh **C Lao Tả** chung sống với nhau vào năm 2014 nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Việc chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc. Sau khi chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì anh **Chèo Lao T** và chị **Chèo Lở M** phát sinh nhiều mâu thuẫn. Hai anh chị đã sống ly thân và không quan tâm đến nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Đối với yêu

cầu của chị **Chèo Lở M** đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị **Chèo Lở M** với anh **C** Lao Tả là có căn cứ nên được chấp nhận.

Về con chung: xét nguyện vọng của chị **Chèo Lở M**, xét nguyện vọng của hai con chung nên giao hai con chung là cháu **Chèo Hành N** và cháu **Chèo Đức Q** cho chị **Chèo Lở M** là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả hai con chung cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi. **Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.** Về cấp dưỡng nuôi con chung chị **Chèo Lở M** đủ khả năng nuôi hai con nên không đề nghị anh **C** Lao Tả phải cấp dưỡng nuôi con chung **nên Hội đồng xét xử không xem xét.** Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu này do chị **Chèo Lở M** có đơn xin rút đề nghị không giải quyết với yêu cầu tài sản chung, nợ chung.

[3] Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của đại diện VKSND khu vực 3 – Lai Châu tại phiên Tòa là có cơ sở pháp luật, phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[4] Về Án phí: chị **Chèo Lở M** là người dân tộc thiểu số sinh sống tại xã đặc biệt khó khăn nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội nên chị **Chèo Lở M** được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 9, Điều 14, Điều 53, **Điều 57**, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 5; **khoản 7 Điều 28, Điều 35**, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 272; Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự; **khoản 4 Điều 3** Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Bộ trưởng Bộ tư pháp; Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán TANDTC hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình.

**Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chị **Chèo Lở M**.**

1. Về quan hệ hôn nhân: không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị **Chèo Lở M** và anh **Chèo Lao T**.

2. Về con chung: giao hai cháu **Chèo Hành N**, sinh ngày 20/12/2014 và cháu **Chèo Đức Q**, sinh ngày 21/12/2016 cho chị **Chèo Lở M** là người trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng hai cháu cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi). Anh **Chèo Lao T** có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: chị **Chèo Lở M** không yêu cầu anh **C** Lao Tả phải cấp dưỡng hai con chung, anh **C** Lao Tả không phải cấp dưỡng.

Các quyền và nghĩa vụ của cha, mẹ đối với con, thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại các Điều 58, 81, 82, 83, 84 và 116 của Luật hôn nhân và Gia đình.

3. Về tài sản chung, nợ chung: chị **Chèo Lở M** có đơn đề nghị rút yêu cầu giải quyết về tài sản chung, nợ chung nên đình chỉ xét xử với yêu cầu này.

4. Về án phí: chị **Chèo Lở M** được miễn **nộp** tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: nguyên đơn, **bị đơn vắng mặt tại phiên tòa** được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày niêm yết bản án.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Lai Châu;
- VKSND khu vực 3 – Lai Châu;
- Phòng THADS khu vực 3 – Lai Châu;
- UBND xã Si Lở Lầu, tỉnh Lai Châu;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ  
THẨM THẨM PHÁN – CHỦ TỌA  
PHIÊN TÒA**

**Lê Minh Tuấn**

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Các Hội thẩm nhân dân**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**